

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ ĐỒN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HNGĐ-ST

Ngày : 16/9/2020

V/v: Ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ ĐỒN - TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đình Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông La Đức Cường và ông Nông Văn Điền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Ngọc Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Nha – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn xét xử công khai vụ án thụ lý số: 33/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020 về Ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2020/ QĐST – HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Triệu Thị L - sinh năm 1982

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Có mặt

- Bị đơn: Anh Nông Văn H - sinh năm 1983

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn xin ly hôn đề ngày 20/03/2020 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Triệu Thị L trình bày:**

Chị Triệu Thị L kết hôn với anh Nông Văn H trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 10/12/2003 tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, được tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sinh sống tại thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Quá trình chung sống vợ chồng, thời gian đầu chị L và anh H chung sống hạnh phúc, sau một thời gian bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh H thường xuyên đánh bạc, rượu chè, đánh đập chị L nhiều lần. Chị L đã bỏ nhà đi hai lần, lần đầu tiên là vào năm 2013, chị L bỏ đi làm công nhân ở tỉnh B sau đó vì thương con chị L quay về vào năm 2014. Lần thứ hai chị L bỏ đi là năm 2018, chị L bỏ đi vào thành phố H làm thuê vì không thể chịu đựng được anh H đánh đập. Chị L và anh H đã ly thân từ tháng 5 năm 2018 đến nay. Trong thời gian ly thân chị L và anh H không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Nông Đức Q, sinh ngày 17/8/2005. Hiện nay con chung đang sống cùng anh H ở thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Khi ly hôn, chị L không có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, vì lý do điều kiện của chị L còn khó khăn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con hàng tháng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Trong quá trình tố tụng, bị đơn là anh Nông Văn H trình bày:**

Anh H kết hôn với chị L trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 10/12/2003 tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, được tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc, không xảy ra mâu thuẫn gì lớn, không có việc anh H đánh đập hay đuổi chị L ra khỏi nhà. Vợ chồng anh chị thi thoảng cãi vã, xô xát nhẹ nhưng không có gì nghiêm trọng để dẫn đến tình cảm vợ chồng sút mẻ. Anh Nông Văn H xác nhận anh và chị L đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay, hiện anh, chị không còn chung sống với nhau. Tuy nhiên, anh H cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh H không đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Nông Đức Q, sinh ngày 17/8/2005. Hiện nay con chung đang sống cùng anh H ở thôn N, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Trường hợp nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với số tiền là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/ tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định, không có mặt tại phiên tòa nhưng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Xét thấy mâu thuẫn giữ vợ chồng chị Triệu Thị L và anh Nông Văn H đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị L, xử cho chị L được ly hôn với anh H.

Về con chung: Xét thấy hiện nay con chung đang ở cùng với anh Nông Văn H, trên cơ sở nguyện vọng của con chung, điều kiện hiện tại của nguyên đơn và bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho anh Nông Văn H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung với mức tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) trở lại/ 01 tháng theo đúng quy định của pháp luật.

Về án phí: Chị Triệu Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về pháp luật tố tụng dân sự. Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị Triệu Thị L và bị đơn anh Nông Văn H. Yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề về quan hệ hôn nhân và nuôi con chung. Theo quy định của pháp luật tố

tụng dân sự, luật Hôn nhân và gia đình vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Tòa án đã giải quyết vụ án theo đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2]. Nội dung vụ án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị L và anh Nông Văn H có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 10/12/2003 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Trước khi đi đến kết hôn hai bên có được tìm hiểu nhau và đi đến hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Quá trình chung sống, vợ chồng chị L và anh H đã xảy ra mâu thuẫn, xuất phát từ việc anh H thường xuyên đánh bạc, rượu chè, đánh đập chị L nhiều lần. Chị L đã bỏ nhà đi hai lần vì không thể chịu đựng được cuộc sống với anh H. Lần thứ nhất là vào năm 2013 (năm 2014 chị L quay về tiếp tục chung sống với anh H) và lần thứ hai là năm 2018. Mâu thuẫn của vợ chồng gia đình hai bên đều biết và khuyên bảo nhưng không thể đoàn tụ được. Chị L và anh H đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Trong quá trình tố tụng, anh H cho rằng vợ chồng anh không có mâu thuẫn gì lớn dẫn đến việc chị L xin ly hôn. Theo lời khai của anh H tại biên bản lấy lời khai, vợ chồng anh đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Trong thời gian hai vợ chồng ly thân, anh H và chị L không ai quan tâm đến ai. Tuy nhiên anh H cho rằng mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng, nên anh không đồng ý ly hôn với chị L.

Tại phiên tòa chị L khẳng định chị và anh H không còn quan tâm đến nhau nữa và chị không còn tình cảm với anh H, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân của chị L và anh H, địa phương xác nhận chị L và anh H hiện nay không còn chung sống với nhau (từ năm 2018 đến nay). Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Nông Văn H theo quy định của pháp luật, nhưng anh H vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Qua đó thấy, anh H cũng không có biện pháp tích cực nào để cải thiện lại mối quan hệ vợ chồng với chị L. Mặt khác chị L kiên quyết ly hôn với anh H. Xét thấy hôn nhân giữa chị L và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc cho hai bên đoàn tụ sẽ không đem lại hạnh phúc cho nhau. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Triệu Thị L.

- Về con chung: Chị Triệu Thị L và anh Nông Văn H có 01 con chung tên là Nông Đức Q, sinh ngày 17/8/2005. Hiện nay con chung đang sống cùng anh H. Trường hợp ly hôn, anh H có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung. Chị L không có nguyện vọng trực tiếp nuôi con do điều kiện kinh tế rất khó khăn.

Xét thấy, nguyện vọng của anh H về việc nuôi con là phù hợp. Hiện nay cháu Nông Đức Q đang được anh Nông Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu Q phát triển ổn định, bản thân cháu Q cũng mong muốn được sinh sống cùng với bố là anh Nông Văn H. Chị L hiện nay đang làm lao động tự do, không thường xuyên có mặt tại địa phương, do đó việc trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục con cũng sẽ không được bảo đảm. Do vậy, việc giao con cho anh H sẽ đảm bảo hơn so với chị L.

Mặc dù chị Triệu Thị L không trực tiếp nuôi con, nhưng chị L vẫn có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nông Văn H yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với số tiền là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/ tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa chị L không đồng ý với mức cấp dưỡng mà anh H yêu cầu, lý do là vì chị L không có đủ điều kiện về kinh tế. Hiện nay chị L đang làm lao động tự do dưới thành phố H, thu nhập hàng tháng không ổn định, trung bình mỗi tháng thu nhập của chị là khoảng 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng). Bởi vậy, mức cấp dưỡng mà anh H đưa ra là quá cao so với thu nhập hàng tháng của chị L. Chị L chấp nhận mức cấp dưỡng 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng)/ tháng. Xét thấy, mức cấp dưỡng chị L đưa ra là thấp, không còn phù hợp với giá cả thị trường hiện tại. Do vậy, Hội đồng xét xử buộc chị L phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng)/ tháng là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Chị L và anh H thừa nhận không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Chị L và anh H thừa nhận không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Triệu Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm của vụ án hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật không phụ thuộc vào việc Tòa án

chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của chị và tiền án phí dân sự sơ thẩm của vụ án hôn nhân và gia đình về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5; điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Triệu Thị L. Chị Triệu Thị L được ly hôn với anh Nông Văn H.

[2]. Về nuôi con chung: Giao con chung Nông Đức Q, sinh ngày 17/8/2005 cho anh Nông Văn H được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Buộc chị Triệu Thị L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với số tiền là 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng)/ tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Việc thi hành án khoản tiền cấp dưỡng được thực hiện theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh H xác nhận không có tài sản chung, nợ chung.

[4]. Về án phí: Buộc chị Triệu Thị L phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm của vụ án hôn nhân và gia đình, 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm của vụ án hôn nhân và gia đình về cấp dưỡng nuôi con. Chị Triệu Thị L được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp

300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 06222 ngày 18 tháng 05 năm 2020 của Chi cục thi hành án huyện Chợ Đồn. Chị Triệu Thị L còn phải nộp tiếp số tiền là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng).

"Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nguyên đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- | | |
|-----------------------|----|
| - Tòa án tỉnh: | 01 |
| - VKS huyện CĐồn | 01 |
| - VKS tỉnh Bắc Kạn | 01 |
| - THADS huyện CĐồn | 01 |
| - UBND xã B | 01 |
| (Nơi đăng ký kết hôn) | |
| - Các đương sự | 02 |
| - Lưu hồ sơ | 01 |
| - Lưu vp | 01 |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Đình Hưng

